



ULTRAFLEX SA 7000-X

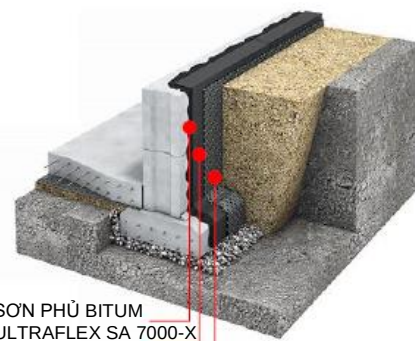
Màng tự dính bitum biến tính SBS không bao gồm vật liệu gia cường với các đặc tính về độ giãn dài kỷ lục



MÔ TẢ:

Màng bitum cải tiến SBS ULTRAFLEX SA 7000-X ít chất mang tự dính hơn được thiết kế để chống thấm phần móng và kết cấu kỹ thuật với tính năng bảo vệ radon bổ sung.

ULTRAFLEX SA 7000-X được sản xuất bằng cách đặt một chất kết dính polyme-bitum tự dính đặc biệt trên một màng polyme hiệu suất cao độc đáo phủ vật liệu lên trên. Nhờ các đặc tính nổi bật của màng, màng có các đặc tính độ giãn dài kỷ lục và độ ổn định kích thước cao. Mặt dưới vật liệu được phủ một lớp màng bảo vệ dễ tháo lắp.



SƠN PHỦ BITUM
ULTRAFLEX SA 7000-X
Chuẩn PLANTER

ƯU ĐIỂM:

- Các đặc tính độ giãn dài cao kỷ lục giúp vật liệu không bị hư hại do chuyển động của chất nền.
- Đặc tính vật lý và cơ học tuyệt vời theo mọi hướng.
- Ngăn chặn sự xâm nhập của radon vào cấu trúc.
- Hợp chất polymer-bitum chất lượng cao có đặc tính “tự phục hồi”, mang lại độ kín tuyệt đối ở những nơi có thể có sự xâm nhập cơ học.
- Tốc độ ứng dụng cao.
- Ứng dụng an toàn và rẻ tiền – ứng dụng màng mà không cần phải sử dụng khí đốt và lửa.
- Không cần bất kỳ thiết bị và kỹ năng bổ sung nào.
- Dễ sửa chữa.

YÊU CẦU CHUNG:

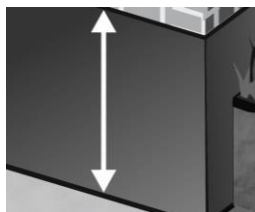
- Các cuộn vật liệu nên được bảo quản trong nhà ở nơi khô ráo trong bao bì ban đầu và đưa đến công trường để sẵn sàng sử dụng.
- Các cuộn nên được bảo quản theo chiều thẳng đứng bằng với chiều cao 1 hàng.
- Nên tránh té ngã hoặc các tác động cơ học khác trong quá trình vận chuyển và bảo quản.
- Bề mặt thi công phải được làm sạch bụi, mảnh vụn, dầu mỡ, lá cây, dầu và không được có khe hở và vết nứt hoặc các vết bất thường khác để đảm bảo độ bám dính thích hợp của màng.
- Bề mặt phải được xử lý sơn lót trước khi lắp đặt vật liệu chống thấm.

LẮP ĐẶT:

▪ CHỐNG THẤM NỀN



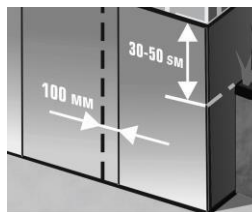
Làm sạch bề mặt và xử lý bằng SƠN PHỦ BITUM của TECHNOMICOL.



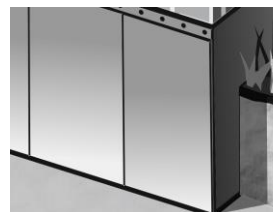
Đo độ sâu của nền và cắt vật liệu theo chiều dài cần thiết.



Thi công vật liệu từ trên xuống dưới bằng cách bóc dần lớp màng bảo vệ, trải lớp màng ra và làm phẳng bề mặt.



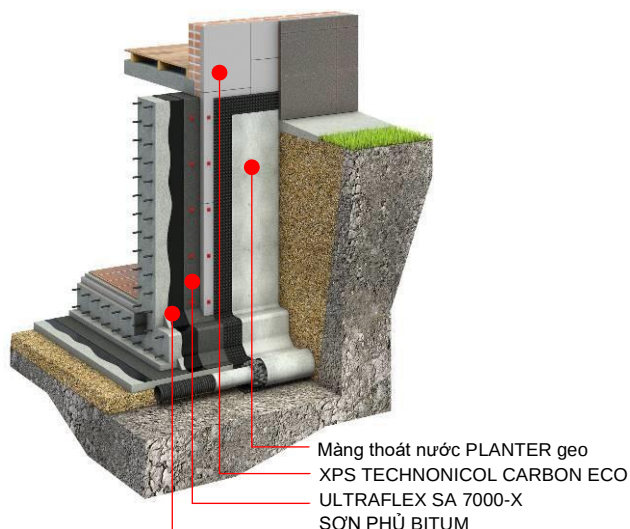
Vật liệu được lắp đặt ở độ cao 30-50 cm so với mặt đất. Các lớp chồng chéo theo chiều dọc phải dày 100 mm, các lớp chồng chéo đầu tấm phải dày 150 mm.



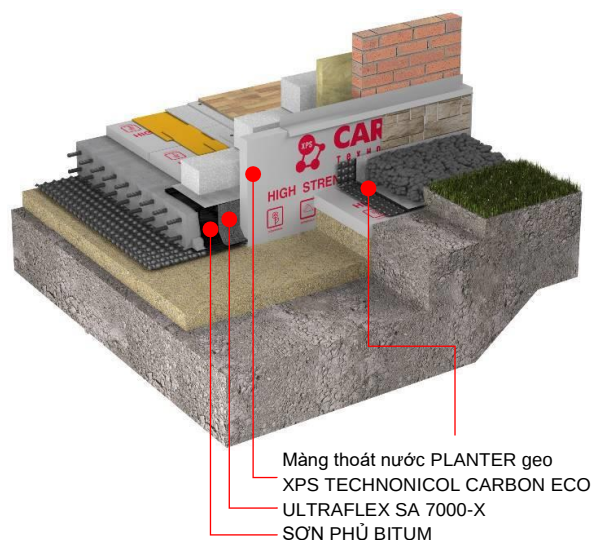
Đầu trên cùng của màng chống thấm được cố định ở tầng hầm bằng dải cạnh kim loại định hình và bịt kín.

CÁC GIẢI PHÁP HỆ THỐNG:

■ ĐẶT NỀN MÓNG BẰNG CÁCH NHIỆT



■ TẮM TRÊN LỚP NỀN



ƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Màng bitum tự dính trong những chu kỳ lạnh có xu hướng cứng lại dẫn đến giảm độ bám dính. Việc lắp đặt vật liệu tự dính nên được thực hiện trong điều kiện khí hậu thuận lợi, tức là thời tiết khô ráo và nhiệt độ trên +10°C. Ở nhiệt độ dưới +10°C và độ ẩm không khí cao, độ bám dính của màng có thể bị tổn hại và do đó cần sử dụng khí nóng để khôi phục các đặc tính của vật liệu.

HIỆU SUẤT ĐƯỢC KHAI BÁO:

Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất	Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất
Bảo vệ mặt trên	-	màng polyme hiệu suất cao	Điểm làm mềm, °C	ASTM D36	≥ +100
Bảo vệ mặt dưới	-	chất kết dính tự dính/màng chống dính	Tính linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤ -15
Chiều dài, m	EN 1848-1	≥ 20.0	Khả năng chống chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1931	≥ +85
Chiều rộng, m	EN 1848-1	≥ 1.0	Khuyết tật có thể nhìn thấy	EN 1850-1	Vượt qua
Độ thẳng	EN 1848-1	≤ 10 mm / 5 m	Hiệu suất chữa cháy bên ngoài	EN 13501-5	Mái
Khối lượng trên đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	1.5±0.15	Phản ứng với lửa	EN 13501-5	Euroclass E
Độ dày, mm	EN 1849-1	1.5±0.10	Độ kín nước ở 60 kPa	EN 1928	Vượt qua
Loại hàng vận chuyển	-	ít chất mang hơn	Độ bám dính của hạt, %	EN 12039	NPD
Đặc tính chịu kéo: lực kéo lớn nhất L/T, N/50mm	ASTM D5147	400±100 / 300±100	Độ bền bong tróc của mối nối: giữa các lớp chống chéo/lớp chống chéo lên màng, N/50mm	EN 12316-1	≥ 25 / NPD
Tính chất chịu kéo: độ giãn dài L/T, %	EN 12317-2	≥700	Đặc tính truyền hơi nước	EN 1931	μ=120000
Xác định khả năng chịu cắt của mối ghép, kN/m	EN 495-5	≤-25	Các chất nguy hiểm	Không chứa các chất nguy hiểm	

* Các mẫu phải được dán vào đế cứng (một miếng ván ép, OSB hoặc tấm xi măng sợi) trước khi thử nghiệm.
 Chú thích: L/T – Dọc/Ngang (Longitudinal / Transverse); NPD – Không xác định hiệu suất (No Performance Determined).
 Hạn sử dụng nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo quản: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.